

Bản án số: **45/2021/HS-PT**
Ngày: 28-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA HQV NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu

Ông Phạm Hùng Nuôi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đào Tiến Thắng-Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 35/2021/TLPT-HS ngày 23-4-2021 đối với các bị cáo HQV, VVT, VT, HĐK do có kháng cáo của các bị cáo HQV, VVT, VT, HĐK đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 18-3-2021 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. HQV, sinh năm 1986, tại huyện Đ, tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị U; vợ tên Nguyễn Thu T và có 02 con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền án: không có; tiền sự: không có; nhân thân: vào ngày 28-10-2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tuyên phạt 01 năm tù về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo Bản án số 158/2014/HSPT ngày 28-10-2014; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12-8-2020; (bị cáo có mặt)

2. VVT, sinh năm 1991, tại huyện G, tỉnh Bạc Liêu; Nơi cư trú: ấp b, xã PT, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn D và bà Nguyễn Thị N; vợ tên Đặng Thị V và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2019); tiền án: không có; tiền sự: không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12-8-2020; (bị cáo có mặt)

3. VT (tên gọi khác VVB), sinh năm 1987, tại huyện G, tỉnh Bạc Liêu; Nơi cư trú: ấp b, xã PT, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn D và bà Nguyễn Thị N; vợ tên Lê Thị P và có 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12-8-2020; (bị cáo có mặt)

4. HĐK, sinh năm 1988, tại thành phố C, tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: ấp h, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Thanh G và bà Nguyễn Thị C; vợ tên Trần Mỹ N và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12-8-2020. (bị cáo có mặt)

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Bị hại Công ty T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 12-6-2020, HQV được giao điều khiển xe tải biển kiểm soát 69C-xxx.xx chở hải sản (bao gồm mực và cá) từ trụ sở của công ty T đến chợ Bình Điền, thành phố Hồ Chí Minh, trên xe chở tổng cộng 56 thùng nhựa bên trong chứa mực nang và 03 thùng xếp đựng cá để phía sau, tất cả các thùng nhựa chứa mực đều đã bấm niêm phong, cửa bên hông và cửa sau của thùng xe cũng được niêm phong. Do có ý định trộm mực bán để lấy tiền tiêu xài, HQV gọi điện thoại cho VVT rủ trộm mực thì VVT đồng ý, đồng thời VVT chuẩn bị sẵn dụng cụ đem theo như kéo, kiềm, băng keo, đèn pin... để cắt mở niêm phong các thùng nhựa. VVT có rủ thêm VT và HĐK cùng thực hiện hành vi trộm mực trên xe, thì tất cả đồng ý. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, khi xe đến khu vực thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, HQV dừng xe mở cửa thùng xe cho HĐK, VVT và VT vào trong thùng, sau đó đóng cửa thùng lại rồi điều khiển xe đi tiếp. Bên trong thùng xe, HĐK, VT dùng dụng cụ cắt mở thùng nhựa lấy ra mỗi thùng từ 01 - 02kg mực để vô bọc nylon, VVT thì đập lại và quấn băng keo lại y như ban đầu. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, HQV điều khiển xe ô tô tải đến khu vực khóm V, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thì bị Tổ công tác tuần tra kiểm soát giao thông của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sóc Trăng kiểm tra hành chính thì phát hiện và lập biên bản về việc các đối tượng thực hiện hành vi trộm mực, với số lượng 76kg mực nang tươi loại nguyên con, 21kg đầu mực nang tươi, 17,8 kg thân mực nang tươi.

Tại Cơ quan CSĐT Công an thị xã N thì HQV, VT, VVT và HĐK đã thừa nhận hành vi phạm tội trộm cắp mực nêu trên của mình.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số: 22/KL-HĐĐG ngày 28-7-2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng kết luận:

“- 76kg (bảy mươi sáu kilogam) mực nang tươi, loại nguyên con [76kg x 140.000/kg= 10.640.000 đồng].

- 21kg (hai mươi một kilogam) đầu mực nang tươi [21kg x 50.000/kg= 1.050.000 đồng].

- 17,8kg (mười bảy phẩy tám kilogam) thân mực nang tươi [17,8kg x 151.000/kg= 2.687.800 đồng].

Tổng giá trị các loại thủy sản bị mất trộm ngày 12-6-2020 là 14.377.800 đồng (mười bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm đồng). ”

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 18-3-2021 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

1/ Căn cứ Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: các bị cáo VT, VVT và HĐK phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt các bị cáo VT, VVT và HĐK mỗi người 03 (ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt chấp hành án.

2/ Căn cứ Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: bị cáo HQV phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo HQV 04 (bốn) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt chấp hành án

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và bị hại.

* Đến ngày 29 tháng 3 năm 2021, các bị cáo HQV, VVT, VT, HĐK kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo HQV, VT, HĐK cung cấp được các Biên lai thu tiền số 001515, 001514, 001516 cùng ngày 27-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, mỗi bị cáo nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Đối với bị cáo VVT cung cấp được Biên lai thu tiền số 001513 ngày 27-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nộp số tiền 1.200.000 đồng. Trong đó, nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng, nộp số tiền 1.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại để các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

- Các bị cáo HQV, VVT, VT, HĐK giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của các bị cáo HQV, VVT, VT, HĐK lập và nộp cho Tòa án nhân dân thị xã N vào ngày 29-3-2021 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo HQV, VVT, VT, HĐK về việc xin giảm nhẹ và xin được hưởng án treo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo HQV, VVT, VT, HĐK như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo HQV, VVT, VT, HĐK khai nhận vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 12-6-2020, khi xe đến khu vực thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, bị cáo HQV dùng xe mở cửa thùng xe cho các bị cáo HĐK, VVT và VT vào trong thùng, sau đó đóng cửa thùng lại rồi điều khiển xe đi tiếp. Bên trong thùng xe, các bị cáo HĐK, VT dùng dụng cụ cắt mở niêm phong thùng nhựa lấy ra mỗi thùng từ 01 - 02kg mực rồi để vô bọc nylon, bị cáo VVT thì đẩy nắp thùng và quấn băng keo lại y như ban đầu. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo HQV điều khiển xe ô tô tải đến khu vực khóm V, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thì bị Tổ công tác tuần tra kiểm soát giao thông của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sóc Trăng kiểm tra phát hiện và lập biên bản về hành vi trộm mực với số lượng 76kg mực nang tươi loại nguyên con, 21kg dầu mực nang tươi, 17,8 kg thân mực nang tươi. Theo kết luận định giá là 14.377.800 đồng. Lời thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người đại diện bị hại và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo HQV, VVT, VT, HĐK phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về kháng cáo của các bị cáo HQV, VVT, VT, HĐK về việc xin giảm nhẹ hình phạt: Xét khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; đồng thời xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là đã thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị hại có yêu cầu xin giảm hình phạt cho các bị

cáo; trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các bị cáo VVT, VT, HĐK có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên còn áp dụng thêm điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Từ đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo HQV 04 tháng tù và các bị cáo VVT, VT, HĐK mỗi bị cáo 03 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo. Các bị cáo đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo VVT nộp 1.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại, nhưng về trách nhiệm dân sự án sơ thẩm không đặt ra xem xét do bị hại không yêu cầu nên cần trả số tiền 1.000.000 đồng cho bị cáo VVT. Việc các bị cáo đã nộp án phí sơ thẩm và bồi thường thiệt hại trong trường hợp này không được xác định là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại phiên tòa các bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho các bị cáo. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo không được chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo HQV: Theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì một trong những điều kiện để cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo là người đó phải có nhân thân tốt, trong vụ án này bị cáo HQV từng bị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ phạt 01 năm tù về tội vận chuyển hàng cấm theo bản án số 158/2014/HSPT ngày 28-10-2014, tuy đã được xóa án tích nhưng không xem là có nhân thân tốt nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo HQV không được chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo VVT, VT, HĐK: Xét các bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm; có nhân thân tốt; có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và có nơi cư trú rõ ràng, là đủ điều kiện để xem xét có thể cho các bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu hiện nay diễn biến phức tạp, cần xử lý nghiêm minh để giáo dục người phạm tội và có tác dụng phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Nên việc cho các bị cáo hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội. Do đó, kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo VVT, VT, HĐK không được chấp nhận.

[6] Lời đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp dụng Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo kháng cáo nhưng không được chấp nhận. Nên mỗi bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo HQV, VVT, VT (VVB), HĐK về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 18-3-2021 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

1. Căn cứ Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); đối với bị cáo HQV.

Xử phạt bị cáo HQV 04 (bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo VT (Bào), VVT và HĐK.

- Xử phạt bị cáo VVT 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo VT (VVB) 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo HĐK 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo HQV, VVT, VT (VVB) và HĐK, mỗi bị cáo chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

- Trả bị cáo VVT số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 001513 ngày 27-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND thị xã N (02);
- VKSND thị xã N (01);
- CQĐT - Công an thị xã N (01);
- CQTHAHS-Công an thị xã N (01);
- Chi cục THADS thị xã N (01);
- Các bị cáo, bị hại (05).
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sơ Tư pháp (01);
- Lưu hs, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phan Lê Vũ Huy Hoàng